

Số: 476 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án bồi thường rừng tự nhiên, rừng Thông tại khu rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ vào Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp &PTNT V/v hướng dẫn trình tự thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân, được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định giá quyền sử dụng rừng và tiền bồi thường thiệt hại đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của UBND huyện Lục Nam tại Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 10/9/2013; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 161/BCTĐ-SNN ngày 12/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án Bồi thường rừng tự nhiên, rừng Thông tại khu rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với nội dung như sau:

I. DIỆN TÍCH THU HỒI, BỒI THƯỜNG

1. Rừng Thông: Diện tích 6,66 ha; số cây 3.689 cây; trữ lượng cây đứng 1.017,65 m³ quy ra: Gỗ 763,241 m³, củi 101,765 m³. Số hộ giao khoán: 05 hộ.

- Rừng hiện do Công ty quản lý: năm trồng 1988; giao khoán 04 Hộ, diện tích 4,56 ha, số cây 2.797 cây, trữ lượng cây đứng 917,300 m³ quy ra: Gỗ 687,975 m³, củi 91,730 m³.

- Rừng hiện đã bàn giao cho UBND huyện (BQL khu du lịch sinh thái Suối Mỡ) quản lý: năm trồng lô b năm 1994, lô a năm 2002; giao khoán 01 hộ, diện tích 2,10 ha, số cây 892 cây; trữ lượng cây đứng 100,35 m³ quy ra: Gỗ 75,266 m³, củi 10,036 m³.

2. Rừng tự nhiên: Diện tích: 430,20 ha; trữ lượng: 17.587,54 m³.

- Giao khoán cho 66 hộ từ 1992 đến nay (21 năm): Diện tích 371,88 ha; trữ lượng 16.368,44 m³.

- Không giao khoán: diện tích 58,32 ha; trữ lượng 1.219,10 m³.

II. GIÁ BỒI THƯỜNG VÀ PHÂN CHIA TIỀN BỒI THƯỜNG

1. Rừng Thông

a. Giá bồi thường: Giá bồi thường được tính theo cơ chế thị trường: Giá gỗ 1,7 triệu/m³; giá củi 200.000 đ/m³. Tổng tiền bồi thường: 1.213.894.983 đ.

Trong đó:

- Rừng hiện do Công ty quản lý: 1.187.903.112 đ.

+ Gỗ: 687,975 m³ x 1.700.000đ/m³ = 1.169.557.118 đ.

+ Củi: 91,730 m³ x 200.000đ/m³ = 18.345.994 đ.

- Rừng hiện đã bàn giao cho UBND huyện (BQL khu du lịch sinh thái Suối Mỡ) quản lý: 25.991.871 đ.

+ Gỗ: 75,266 m³ x 1.700.000đ/m³ x 20% = 25.590.452 đ.

+ Củi: 10,036 m³ x 200.000đ/m³ x 20% = 401.419 đ.

b. Phân chia tiền bồi thường: Phân chia tiền bồi thường áp dụng trên cơ sở hợp đồng liên doanh sản xuất nghề rừng giữa Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục Nam với các hộ dân.

- Tiền bồi thường rừng trồng Thông (hiện do Công ty Lục Nam quản lý) giao khoán 04 hộ: 1.187.903.112, 00 đ, trong đó:

+ Công ty hưởng = 936.011.676 đ

+ Người dân hưởng = 251.891.436 đ

- Tiền bồi thường rừng trồng Thông (hiện đã giao UBND huyện quản lý) giao khoán 01 hộ: 25.991.871 đ. Trong đó:

- Công ty: 0

- Người dân hưởng = 129.959.355 đ x 20% = 25.991.871 đ

2. Rừng tự nhiên

a. Giá bồi thường: Giá bồi thường rừng tự nhiên theo Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định giá quyền sử dụng rừng và tiền bồi thường thiệt hại đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Phân chia tiền bồi thường vận dụng Điều 18 của Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp; người dân 42%; Công ty 58%.

Tổng tiền bồi thường: 430,20 ha = 891.174.020 đ.

b. Phân chia tiền bồi thường.

- Người dân hưởng(371,88 ha):	362.266.338 đ.
- Công ty hưởng:	528.907.682 đ.
+ Rừng giao khoán (371,88 ha):	500.272.562 đ.
+ Rừng không giao khoán (58,32 ha):	28.635.120 đ.

3. Tổng tiền bồi thường và phân chia tiền bồi thường rừng

a. Tổng tiền bồi thường: 2.105.069.003 đ

- Tổng tiền bồi thường rừng thông là:	1.213.894.983 đ
- Tổng bồi thường rừng tự nhiên:	891.174.020 đ

b. Phân chia tiền bồi thường: 2.105.069.003 đ

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lục Nam:	1.464.919.358 đ
+ Rừng Thông :	936.011.676 đ
+ Rừng tự nhiên:	528.907.682 đ
- Người dân:	640.149.645 đ
+ Rừng Thông :	277.883.307 đ
+ Rừng tự nhiên:	362.266.338 đ

4. Tổng chi phí: 2.147.170.383 đ

Trong đó:

- Chi phí bồi thường rừng:	2.105.069.003 đ
- Chi phí lập Phương án 2%:	42.101.380 đ

III. KINH PHÍ BỒI THƯỜNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách huyện năm 2013.

2. Thời gian thực hiện: Năm 2013.

(Chi tiết theo phương án được duyệt)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

UBND huyện Lục Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng phương án được duyệt và các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn, UBND huyện Lục Nam, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Lục Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Các Chi cục: Kiểm lâm, Lâm nghiệp;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KT, KTN, TN;
 - + Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**





Lại Thanh Sơn